TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T,** sinh năm 1993;

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1992; địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1990;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 19/9/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không thống nhất được cách nuôi dậy con cái và bất đồng về kinh tế, bên cạnh đó anh D chơi bời, không chịu khó làm ăn, từ đó vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Tháng 9/2019 anh D đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi anh không liên lạc với chị, chỉ thỉnh thoảng anh liên lạc về cho các con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/10/2013 và Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 29/8/2015, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Nguyễn Khánh N, giao cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh D không có mặt ở Việt Nam chị có trách nhiệm chăm sóc cả hai con cho đến khi anh D về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị T đang bận công việc nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T1 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết. Anh Dũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm không còn, chị T có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1, nhất trí giao con Nguyễn Khánh N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho chị T thay anh chăm sóc con Nguyễn Thị

Quỳnh N1 cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị T và anh D là cháu Nguyễn Khánh N và Nguyễn Thị Quỳnh N1 có nguyện vọng được ở với chị T.

Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị T biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn D; về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho chị T chăm sóc cho đến khi anh D về nước. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện anh đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà S là mẹ đẻ anh D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh D, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà S vẫn liên lạc với anh D và đã

thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh D. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 19/9/2012 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T và anh D đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái và mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Năm 2019, anh D đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi cho đến nay anh chưa về nước, anh cũng không liên lạc về cho chị T, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh D.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị T và anh D là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/10/2013 và Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 29/8/2015, hiện các con đang ở với chị. Mặc dù các con đều có nguyện vọng được ở với chị T, tuy nhiên chị T và anh D thống nhất giao con chung Nguyễn Khánh N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh D không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh D về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Khánh N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh D không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho chị T chăm sóc cho đến khi anh D về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T, xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/10/2013; giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 29/8/2015 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), chị T và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1 cho chị T chăm sóc cho đến khi anh D về nước.

Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000626 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu